

HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ ĐỂ MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG: LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM THỜI KỲ HẬU ĐẠI DỊCH COVID-19

● NGUYỄN VĂN ĐỢI

TÓM TẮT:

Bài viết làm rõ về mặt lý luận về hội nhập kinh tế quốc tế trong việc mở rộng thị trường. Khái quát những thành tựu của hội nhập kinh tế quốc tế trong việc mở rộng thị trường của nền kinh tế Việt Nam thông qua các hiệp định FTA và những số liệu về kim ngạch xuất nhập khẩu qua các năm. Bên cạnh đó, bài viết phân tích những tác động của đại dịch Covid-19, làm rõ những cơ hội và thách thức của việc phát triển mở rộng thị trường thông qua các hiệp định FTA thế hệ mới. Đồng thời đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam thời kỳ hậu Covid.

Từ khóa: hội nhập kinh tế, mở rộng thị trường, thời kỳ hậu đại dịch Covid-19.

1. Khái quát những thành tựu của hội nhập kinh tế trong việc mở rộng thị trường - lý luận và thực tiễn ở Việt Nam

1.1. Nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế với việc mở rộng thị trường

Hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam chính là việc gắn kết nền kinh tế đất nước với các nền kinh tế trên thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung. Hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang được coi là giải pháp, là phương thức để Đảng và Nhà nước thúc đẩy nền kinh tế đất nước đổi mới và phát triển. Một trong những cơ hội mà hội nhập kinh tế quốc tế đem lại chính là việc mở rộng thị trường cho nền kinh tế Việt Nam phát triển mạnh mẽ trong quá trình đổi mới. Hội nhập kinh tế quốc tế thực chất là mở rộng thị trường để thúc đẩy thương mại

phát triển, tạo điều kiện cho sản xuất trong nước, tận dụng được những lợi thế kinh tế của nước ta trong phân công lao động quốc tế, phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng, phát triển nhanh và hiệu quả của nền kinh tế. Hội nhập giúp các doanh nghiệp tiếp cận được các thị trường mới, gia tăng thị trường tiêu thụ sản phẩm cho doanh nghiệp trong nước. Đồng thời, giúp các doanh nghiệp trong nước có cơ hội tiếp cận về công nghệ, vốn, cũng như các nguồn lực trên thị trường thế giới để tổ chức sản xuất ngày càng mở rộng về quy mô và hiệu quả tối ưu hơn. Trên giác độ tiêu dùng, hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội để cải thiện tiêu dùng trong nước, người dân được hưởng thụ, tiếp cận nhiều sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mang tính đa dạng về chủng loại, chất lượng và mẫu mã với giá cạnh tranh hơn.

Ngay từ những năm đầu đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã sớm nhận thức được tính cần thiết và tất yếu của hội nhập kinh tế quốc tế. Từ đó đến nay, đường lối, chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng ta không ngừng được hoàn thiện, phù hợp với tình hình cụ thể của từng giai đoạn. Khái niệm “hội nhập” được đề cập lần đầu tiên trong Văn kiện Đại hội VIII của Đảng (năm 1996): “Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả”¹. Chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục được nhấn mạnh tại Đại hội IX (năm 2001), “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường”². Tại Đại hội XIII của Đảng (tháng 1/2021) xác định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại... Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”³.

Với sự kiên trì, nhất quán và chủ động hội nhập dưới sự lãnh đạo của Đảng, nền kinh tế nước ta đã và đang đạt được những thành tựu to lớn trong quá trình đổi mới, phát triển nền kinh tế đất nước. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam ngày càng phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

1.2. Khái quát thành tựu hội nhập kinh tế quốc tế của Việt nam

Xét về mặt quan hệ hợp tác kinh tế, Việt Nam là quốc gia thành viên của nhiều tổ chức quốc tế, như: Liên Hợp quốc, Tổ chức Thương mại Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Nhóm Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á, Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Asean. Cho đến nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 192 nước, trong đó có tất cả các nước lớn,

có quan hệ kinh tế với hơn 221 thị trường nước ngoài và là thành viên của nhiều tổ chức và diễn đàn quốc tế như Cộng đồng Pháp ngữ (1970), Liên Hợp quốc (1977). Việt Nam đã từng bước cụ thể hóa nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế thông qua các hiệp định thương mại tự do được ký kết và từng bước thực hiện các hiệp định đưa nước ta tham gia ngày càng sâu, rộng vào quá trình phân công và hợp tác quốc tế.

Xét về hoạt động ngoại thương: Bước vào quá trình đổi mới, Việt Nam trở thành một nước có tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế rất nhanh và ngày càng sâu rộng. “Trong giai đoạn đầu, từ năm 1991 đến năm 2010, tăng trưởng xuất khẩu hằng năm của Việt Nam luôn đạt tốc độ cao, ở mức 2 con số, thậm chí có những năm lên đến trên 15%. Giai đoạn từ năm 2011 đến 2022, tốc độ tăng của tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đạt trung bình 12,6%/năm. Nếu năm 1991, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam mới chỉ đạt 2,087 tỷ USD (nhập khẩu đạt 2,338 tỷ USD), đến năm 2015, tổng kim ngạch xuất khẩu đã đạt 162,016 tỷ USD (nhập khẩu đạt 165,775 tỷ USD), tăng gấp 77,63 lần. Đến năm 2022, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã tăng gấp 2,29 lần năm 2015 và 177,9 lần năm 19”⁴.

2. Tác động của đại dịch Covid-19 đến thị trường trong và ngoài nước - Cơ hội và thách thức đối với ngoại thương Việt Nam

2.1. Tác động của đại dịch Covid-19 đến thị trường xuất nhập khẩu của Việt Nam

Nhìn tổng thể sau đại dịch Covid-19, nền kinh tế thế giới rơi vào thời kỳ suy thoái, tốc độ tăng trưởng thấp, thậm chí nhiều nước có mức tăng trưởng âm. Tình trạng lạm phát của các nước trên thế giới, đặc biệt là ở Mỹ và các nước châu Âu đã tăng cao và kéo dài, dẫn đến: tổng mức chi tiêu cho tiêu dùng của dân cư, tổng cầu của nền kinh tế giảm xuống dẫn đến quy mô, sản lượng của nền kinh tế giảm xuống; các ngân hàng trung ương phải tăng lãi suất trên thị trường tiền tệ nhằm kéo lạm phát về mức an toàn. Lãi suất tăng, tổng mức tiêu dùng giảm dẫn đến giảm quy mô sản xuất, thất nghiệp tăng lên, thu nhập của người tiêu dùng giảm, chi tiêu cho tiêu dùng giảm xuống. Kết quả dẫn đến sức mua trên thị trường hàng hóa xuất khẩu của các

doanh nghiệp Việt Nam giảm sút rõ rệt. Tình trạng thiếu đơn hàng cho các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam ngày càng gay gắt, kể từ nửa cuối năm 2022 cho đến nay.

Bối cảnh trong nước: doanh nghiệp cắt giảm quy mô, thậm chí phá sản, dẫn đến công ăn việc làm hạn chế, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, thu nhập của người tiêu dùng giảm, dẫn đến thị trường trong nước cũng bị giảm mạnh. Theo Tổng cục Thống kê (2023) cho thấy: “...Hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2023 không đạt được như kỳ vọng. Tính chung cả năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% so với năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 4,4%; nhập khẩu giảm 8,9%. Tuy nhiên, cán cân thương mại tiếp tục ghi nhận xuất siêu năm thứ 8 liên tiếp với mức thặng dư kỷ lục ước đạt 28 tỷ USD, gấp 2,3 lần năm 2022. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2023 ước đạt 355,5 tỷ USD, giảm 4,4% so với năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 95,5 tỷ USD, giảm 0,3%, chiếm 26,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 259,95 tỷ USD, giảm 5,8%, chiếm 73,1%... Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2023 ước đạt 327,5 tỷ USD, giảm 8,9% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 117,29 tỷ USD, giảm 7,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 210,21 tỷ USD, giảm 9,8%”⁵.

2.2. FTA thế hệ mới - Cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam trong việc mở rộng thị trường thời kỳ hậu Covid-19

2.2.1. Cơ hội

Trước bối cảnh nước ta đang đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng như hiện nay, việc gia nhập và ký kết các FTA thế hệ mới đã mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội lớn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có cơ hội vượt lên trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Một số cơ hội nổi bật khi Việt Nam gia nhập các FTA thế hệ mới như sau:

Một là, góp phần phục hồi nền kinh tế cho Việt Nam. EVFTA đã đem đến cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam trong việc mở rộng và đa dạng hóa thị trường, hay nói cách khác, EVFTA là “phao cứu sinh” cho các doanh nghiệp đang rơi vào tình

trạng chuẩn bị phá sản vì phải “đóng băng” hoạt động sản xuất, kinh doanh quá lâu do diễn biến phức tạp của dịch bệnh. Đồng thời, EVFTA cũng góp phần lớn trong việc thúc đẩy sự hồi phục của nền kinh tế Việt Nam và giúp cho tăng trưởng kinh tế đang dần trên đà phục hồi hậu Covid-19. Thêm vào đó, việc gia nhập EVFTA còn góp phần giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam và người tiêu dùng có thể tiếp cận được các nguồn hàng hóa, nguyên liệu nhập khẩu tốt, chất lượng từ thị trường EU với một mức giá hợp lý.

Hai là, tạo điều kiện để cho Việt Nam thay đổi, cải tiến các chính sách và pháp luật dần phù hợp với các thông lệ thương mại quốc tế. Các FTA thế hệ mới đặt ra những cam kết sâu, rộng hơn nhiều so với các quy định của WTO. Thực tế, các FTA thế hệ mới luôn hướng đến xây dựng nên một môi trường cạnh tranh bình đẳng, công bằng, minh bạch thông qua việc thúc đẩy các quốc gia thành viên tái cơ cấu và đổi mới lại các chính sách, pháp luật của quốc gia mình như là các vấn đề về thể chế, kiện toàn bộ máy nhà nước, chính sách pháp luật về sở hữu trí tuệ, vấn đề giới hạn đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài... theo hướng minh bạch, phù hợp hơn với các thông lệ quốc tế. Nhờ những thay đổi này sẽ góp phần giúp cho sản phẩm Việt Nam đủ điều kiện đến gần hơn với thị trường thế giới, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào các thị trường “khó tính” như EU, Mỹ.

Ba là, giúp thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Các FTA thế hệ mới đều hướng đến tạo ra một thị trường cạnh tranh công bằng, minh bạch, đều có các cam kết về đối xử công bằng giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước trong các hoạt động đầu tư kinh doanh như thành lập doanh nghiệp, mua bán, sáp nhập, mở rộng, kinh doanh, vận hành... Theo đó, đã tạo cơ hội lớn cho các nhà đầu tư nước ngoài có thể mạnh dạn đầu tư vào thị trường tiềm năng như Việt Nam. Việc đó tạo nên nguồn vốn FDI lớn cho sự phát triển cho nền kinh tế, đồng thời cũng góp phần giúp cho Việt Nam tiếp cận được các công nghệ, kỹ thuật hiện đại, hạn chế bớt các công nghệ lạc hậu, thúc đẩy phát triển công nghệ xanh, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường.

2.2.2. Thách thức

Bên cạnh những mặt tích cực, việc gia nhập FTA thế hệ mới cũng đem đến không ít thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam.

Một là, thách thức của hàng rào phi thuế quan. Các doanh nghiệp Việt Nam phải đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe từ các đối tác khi gia nhập FTA thế hệ mới. Việc gia nhập các FTA thế hệ mới mang lại rất nhiều cơ hội đối với các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận được thị trường tiềm năng nhưng nó cũng tạo ra sức ép cạnh tranh lớn cho các nhà đầu tư, tuy nhiên đây là sự cạnh tranh lành mạnh, có chọn lọc, minh bạch. Theo đó, đối với EVFTA, các mặt hàng của Việt Nam muốn được hưởng ưu đãi thuế quan thì bắt buộc nguồn nguyên liệu phải đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe của EU như về tỉ lệ hàm lượng nội khối nhất định, hạn chế hoặc loại bỏ một số chất cấm sử dụng trong thực phẩm... Đây chính là một thách thức rất lớn cho Việt Nam, bởi đa phần các nguồn nguyên liệu để sản xuất hàng hóa được nhập từ Trung Quốc và các nước trong Asean. Tiêu chuẩn của các nước châu Âu rất khác và khắt khe hơn nhiều so với các nước ở khu vực châu Á.

Hai là, hệ thống pháp luật Việt Nam chưa phù hợp với các thông lệ thương mại quốc tế, chưa thực sự phù hợp với các quy định của FTA thế hệ mới. Chẳng hạn như, Nghị quyết số 72/2018/QH14 của Quốc hội phê chuẩn CPTPP cùng các văn kiện liên quan đã chỉ ra rằng, hệ thống pháp luật Việt Nam có rất nhiều quy định chưa thực sự tương thích với CPTPP. Cụ thể, các quy định công đoàn, tổ chức đại diện của người lao động, về đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, tranh chấp lao động hay đình công lĩnh vực lao động; trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ là các quy định liên quan đến điều kiện đăng ký hợp đồng để có hiệu lực đối với bên thứ ba.

Ba là, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu. Sức cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp, sản phẩm của Việt Nam nói riêng tuy đã có những cải thiện đáng kể so với trước đây, nhưng vẫn còn rất yếu so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Đối với các doanh nghiệp hàng đầu, được đánh giá có năng lực cạnh tranh cao thì chưa nhiều các doanh

nh nghiệp có khả năng vươn ra chiếm lĩnh thị trường khu vực và thế giới. Đối với các doanh nghiệp nhà nước, mặc dù được tạo rất nhiều điều kiện để phát triển nhưng vẫn chưa phát huy được vai trò đi đầu, dẫn dắt trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới và phát triển theo hướng chuyển đổi số đi đôi với bảo vệ môi trường. Thị trường trong nước, các doanh nghiệp nội địa còn phải đối mặt với “làn sóng” hàng hóa nhập khẩu với giá cả phù hợp và chất lượng tốt, sức ép cạnh tranh ngày một tăng cao. Tình trạng tập trung quá lớn vào thị trường Trung Quốc dẫn đến phụ thuộc quá lớn vào thị trường này gây ra những rủi ro rất lớn cho nền kinh tế Việt Nam khi thị trường đó cắt giảm hoặc tạm ngưng nhập khẩu. Từ đó cho thấy, năng lực cạnh tranh và khả năng chiếm lĩnh chuỗi cung ứng toàn cầu của các doanh nghiệp Việt Nam chưa cao, đồng thời sản phẩm của Việt Nam chưa thực sự đủ tiêu chuẩn về chất lượng, giá cả để đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm của các quốc gia khác.

3. Một số giải pháp

Với đặc điểm là quốc gia đang phát triển, nguồn vốn hỗ trợ cho các doanh nghiệp còn hạn chế, điều kiện về cơ sở hạ tầng còn yếu. Do vậy, để đạt được mục tiêu đề ra, Việt Nam cần tập trung vào các mục tiêu cụ thể để giải quyết hiệu quả các thách thức trọng tâm trong việc thực thi các FTA thế hệ mới. Nhằm tận dụng các cơ hội đang có và khắc phục một số hạn chế, thách thức, qua đó hướng đến thúc đẩy nền kinh tế phục hồi và phát triển theo hướng lâu dài và bền vững thì cần phải tiếp tục nghiên cứu, xem xét thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, doanh nghiệp cần chú trọng vào chất lượng các sản phẩm xuất khẩu và nắm bắt được đầy đủ thông tin về các FTA thế hệ mới. Theo đó, các doanh nghiệp Việt Nam phải chủ động trong việc tìm hiểu, nắm bắt rõ đầy đủ thông tin, yêu cầu, các quy định nghiêm ngặt về các FTA thế hệ mới, cũng như các quy định về xuất nhập khẩu của các quốc gia đối tác. Nhà nước cần hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tiếp cận với các tiêu chuẩn khắt khe, các quy định từ các FTA thế hệ mới thông qua các buổi hội thảo, tọa đàm, báo cáo, hướng dẫn các doanh nghiệp để các doanh nghiệp tìm hiểu và thực hiện.

Bên cạnh đó, cũng cần đa dạng hóa các thị trường nhập khẩu nguyên liệu sản xuất, cần chú trọng vào chất lượng sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn từ các nước đối tác. Hạn chế việc sản xuất ồ ạt, không nên chỉ quan tâm về mặt doanh thu, số lượng mà dẫn đến chất lượng không đạt chuẩn. Có như vậy, hàng hóa, sản phẩm của Việt Nam mới có thể vươn ra thế giới, thỏa mãn các tiêu chuẩn về chất lượng của thị trường quốc tế, xây dựng nên giá trị trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Hai là, cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, các chính sách, tạo ra một môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, nhằm thực hiện tốt các cam kết khi gia nhập các FTA thế hệ mới. Việc cải cách các thể chế chính trị, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành cần phải đảm bảo tính đồng bộ, không tạo ra các xung đột pháp lý và mâu thuẫn với chính sách, có hiệu quả và duy trì ổn định môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo ra một môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch, hạn chế ảnh hưởng đến lợi ích của các doanh nghiệp đang hoạt động, cũng như các nhà đầu tư mới trong và ngoài nước. Bên cạnh

đó, cần phải tăng cường năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan thực thi, đặc biệt là hải quan và ngành tòa án là những cơ quan có năng lực chuyên môn cao và được trang bị những kỹ năng cần thiết về thông tin các quy định FTA thế hệ mới, các điều kiện, tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế... Có như vậy, mới tận dụng được thời cơ của các FTA thế hệ mới để thúc đẩy và nâng tầm giá trị nền kinh tế Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Ba là, cần nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường trong và ngoài nước. Theo đó, đối với thị trường trong nước, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước ở những lĩnh vực trọng yếu đang bị gây sức ép cạnh tranh bởi hàng hóa nhập khẩu bên ngoài. Đồng thời, các doanh nghiệp trong nước cũng cần đổi mới quy trình sản xuất, chú trọng vào chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, các vấn đề về môi trường, hạn chế nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài. Cần đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu của Việt Nam, tránh tình trạng tổng giá trị xuất khẩu bị chiếm phần lớn quá nhiều bởi một quốc gia nhất định ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (phần I), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr. 690.

²Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (phần I), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr. 878.

³Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 161 - 162.

⁴Nguyễn Chí Hải (2024). Xuất khẩu - Điểm sang nổi bật trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, <<https://baohinhphu.vn/xuat-khau-diem-sang-noi-bat-trong-qua-trinh-doi-moi-va-hoi-nhap-quoc-te-102240103084848277.htm>>

⁵Tổng cục Thống kê (2024). Xuất, nhập khẩu năm 2023 nỗ lực phục hồi, tạo đà bứt phá cho năm 2024, <<https://www.gso.gov.vn/du-licu-va-so-licu-thong-ke/2024/01/xuat-nhap-khau-nam-2023-no-luc-phuc-hoi-tao-da-but-pha-cho-nam-2024/>>

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019). Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới phần I, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII tập 1, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lê Nin (Dành cho hệ không chuyên lý luận chính trị), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 18/01/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 6/02/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 20/02/2024

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN VĂN ĐOÌ

Khoa Lý luận chính trị - Trường Đại học Luật Hà Nội

INTEGRATING INTO INTERNATIONAL ECONOMY TO EXPAND MARKETS - THEORY AND PRACTICE IN VIETNAM IN THE POST-COVID-19 ERA

● Master. **NGUYEN VAN DOI**

Faculty of Political Theory,
Hanoi Law University

ABSTRACT:

This study clarified the role of international economic integration in expanding markets from a theoretical perspective. The study presented an overview of the international economic integration achievements of Vietnam in terms of expanding markets through free trade agreements (FTAs) and import-export turnover over the years. In addition, the study analyzed the impacts of the COVID-19 pandemic, clarifying the opportunities and challenges of developing and expanding the market through new-generation FTAs. Based on the study's findings, some solutions were proposed to promote Vietnam's international economic integration process in the post-COVID-19 era. For example, the government should continue to build and improve the legal system and create a healthy and transparent business environment to properly implement commitments when Vietnam joins new-generation FTAs. Businesses need to improve the quality of export products, fully grasp information about new generation FTAs, and improve their competitiveness in domestic and foreign markets.

Keywords: economic integration, market expansion, post-COVID-19 era.